

Số: **874**/STP - XD&KTVB

Tuyên Quang, ngày **05** tháng **10** năm 2017

V/v mời họp

- Kính gửi: - Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;  
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;  
- Sở Tài nguyên và Môi trường;  
- Hội đồng nhân dân huyện: Hàm Yên, Sơn Dương.

Thực hiện Điều 124 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Văn bản số 2345/UBND-TNMT ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện, Sở Tư pháp tổ chức họp thống nhất kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý một số văn bản, cụ thể như sau:

**1. Thành phần:**

- Đại diện lãnh đạo Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đại diện lãnh đạo và công chức liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Đại diện lãnh đạo và công chức liên quan của Hội đồng nhân dân huyện Hàm Yên và Sơn Dương.

**2. Thời gian:** Từ 14h 00 phút ngày 09/10/2016.

**3. Địa điểm:** Phòng họp tầng 2, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

**4. Nội dung:**

a) Thống nhất kết quả kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND huyện Sơn Dương về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương;

- Nghị quyết số 291/NQ-HĐND<sup>19</sup> ngày 14/7/2017 của HĐND huyện Hàm Yên về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên.

b) Kiểm tra, đề xuất biện pháp, hình thức xử lý đối với 03 văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường, gồm:

- Văn bản số 768/TTr-TNMT ngày 21/9/2010 về việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất sản xuất nông nghiệp;

- Văn bản số 1084/TNMT-CCDD ngày 31/8/2016 về việc giải quyết các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất;

- Văn bản số 892/TNMT-CCDD ngày 18/9/2014 về việc xử lý đối với diện tích đã kê khai đăng ký nhưng chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật đất đai 2003 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tư pháp đề nghị Quý cơ quan đã ban hành các văn bản nêu trên tự kiểm tra và chuẩn bị ý kiến để phát biểu tại cuộc họp.

(Có Tài liệu họp gửi qua Hộp thư điện tử của Quý cơ quan và đăng tải trên trang <http://tuphaptuyenquang.gov.vn>, Mục xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản)

Sở Tư pháp trân trọng kính mời đại biểu đến dự đúng thành phần, thời gian và chuẩn bị ý kiến phát biểu để cuộc họp đạt kết quả./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi (để mời);
- Lưu VT, XD&KTVB.  
Loan.9b.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thuộc**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2345/UBND-TNMT

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2017

V/v kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành  
Nghị quyết về điều chỉnh quy hoạch sử  
dụng đất đến năm 2020 cấp huyện

SỞ TƯ PHÁP T. TUYỀN QUANG

Ngày 02-08-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 3310

Kính gửi: - Sở Tư pháp;  
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Dương về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương; Nghị quyết số 291/NQ-HĐND<sub>19</sub> ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Hàm Yên về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên,

**Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan: căn cứ quy định của pháp luật đất đai và các quy định có liên quan, kiểm tra, xem xét trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Dương và Nghị quyết số 291/NQ-HĐND<sub>19</sub> ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Hàm Yên; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các PCT UBND tỉnh;
  - Chánh VP UBND tỉnh;
  - Các Phó CVP UBND tỉnh;
  - Như kính gửi;
  - UBND huyện: Hàm Yên, Sơn Dương;
  - Lưu VT, ĐC (Tính 26).
- (báo cáo)

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

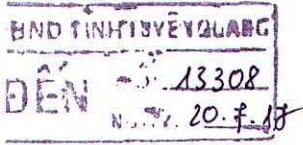
  
**Nguyễn Thanh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 62 /NQ-HĐND

Sơn Dương, ngày 17 tháng 7 năm 2017



### NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và  
kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy  
hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 43/2013/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, khóa XVIII, kỳ họp thứ 3, về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương tại Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 27/6/2017 về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Nội dung phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.**

*a) Diện tích cơ cấu các loại đất:*



Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2016		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020		So sánh tăng (+), giảm (-)	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	6		7	8
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>78.795,2</b>	<b>100,0</b>	<b>78.795,2</b>		<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>70.270,2</b>	<b>89,2</b>	<b>70.236,3</b>	<b>89,1</b>	<b>(33,9)</b>	<b>(0,0)</b>
1.1	Đất trồng lúa	7.624,5	9,7	7.514,1	9,5	(110,4)	(0,1)
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	6.734,7	8,5	6.637,3	8,4	(97,4)	(0,1)
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	889,8	1,1	876,8	1,1	(13,0)	(0,0)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	9.019,4	11,4	8.743,6	11,1	(275,9)	(0,4)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	9.328,2	11,8	9.460,7	12,0	132,5	0,2
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.327,3	5,5	4.327,3	5,5	-	(0,0)
1.5	Đất rừng đặc dụng	9.989,2	12,7	9.989,1	12,7	(0,1)	(0,0)
1.6	Đất rừng sản xuất	28.858,4	36,6	29.012,0	36,8	153,6	0,2
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.005,5	1,3	977,3	1,2	(28,2)	(0,0)
1.8	Đất làm muối						
1.9	Đất nông nghiệp khác	117,6	0,1	212,3	0,3	94,6	0,1
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>7.159,7</b>	<b>9,1</b>	<b>8.140,1</b>	<b>10,3</b>	<b>980,4</b>	<b>13,7</b>
2.1	Đất quốc phòng	5,5	0,0	78,1	0,1	72,6	0,1
2.2	Đất an ninh	133,9	0,2	583,0	0,7	449,1	0,6
2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	141,0	0,2	141,0	0,2
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	234,5	0,3	270,6	0,3	36,1	0,0
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	7,6	0,0	30,6	0,0	23,0	0,0
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	106,8	0,1	124,9	0,2	18,1	0,0
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	168,5	0,2	183,1	0,2	14,6	0,0
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.990,9	3,8	3.082,0	3,9	91,1	0,1
2.1	Đất có di tích lịch sử-văn hóa	47,0	0,1	68,1	0,1	21,0	0,0
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-	-



2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	10,2	0,0	24,6	0,0	12,4	0,0
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.365,5	1,7	1.380,3	1,8	14,8	0,0
2.14	Đất ở tại đô thị	64,2	0,1	101,7	0,1	37,5	0,0
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	31,9	0,0	62,9	0,1	31,0	0,0
2.16	Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp	1,8	0,0	2,1	0,0	0,2	0,0
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	8,6	0,0	11,6	0,0	3,0	0,0
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	211,0	0,3	218,1	0,3	7,1	0,0
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	82,1	0,1	83,1	0,1	1,1	0,0
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	30,4	0,0	35,4	0,0	5,0	0,0
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1,6	0,0	1,6	0,0	-	(0,0)
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	5,7	0,0	5,6	0,0	(0,1)	(0,0)
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.633,4	2,1	1.633,2	2,1	(0,2)	(0,0)
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	18,6	0,0	18,6	0,0	-	(0,0)
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,0	0,0	0,0	0,0	-	(0,0)
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>1.365,3</b>	<b>1,7</b>	<b>418,8</b>	<b>0,5</b>	<b>(946,4)</b>	<b>(1,2)</b>

*b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2020:*

*Đơn vị tính: ha*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	2	3	4
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>559,66</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	79,07
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	67,37
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK/PNN	11,70
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	201,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	LCN/PNN	95,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,08



1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	162,98
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	17,95
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất công nghiệp khác	NKH/PNN	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	3,00
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>1,69</b>

*c) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	2	3	4
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4,03</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,02
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,32
2.3	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,5
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,94
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,19



2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	0,03
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,03

**2. Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

*a) Phân bổ diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương*

*Đơn vị tính: ha*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đến năm 2017	Cơ cấu (%)
1	2	3	6	7
<b>I</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>78.795,20</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>70.111,40</b>	<b>88,98</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.603,47	9,65
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.717,32</i>	<i>8,53</i>
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>	<i>886,15</i>	<i>1,12</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.971,08	11,39
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9.301,67	11,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.327,31	5,49
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	9.989,19	12,68
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	28.796,60	36,55
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	993,34	1,26
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	128,74	0,16
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.320,41</b>	<b>9,29</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	45,49	0,06
2.2	Đất an ninh	CAN	140,46	0,18
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	24,00	0,03
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	234,54	0,30
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,77	0,03
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	109,50	0,14
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	178,21	0,23
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.040,03	3,86



2.10	Đất có di tích lịch sử-văn hóa	DDT	54,04	0,07
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	10,22	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.366,63	1,73
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	67,04	0,09
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33,73	0,04
2.16	Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,83	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,55	0,01
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	212,64	0,27
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	83,25	0,11
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DHS	31,09	0,04
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,64	0,00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,74	0,01
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.633,38	2,07
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	18,63	0,02
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,03	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.363,36</b>	<b>1,73</b>

**b) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	2	3	4
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>174,78</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	21,04
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	17,38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK/PNN	3,66
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	64,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	LCN/PNN	24,68
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	58,79
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,03
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	



1.9	Đất công nghiệp khác	NKH/PNN	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR	
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	PKO/OCT	

*c) Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	2	3	4
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1,90</b>
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,22
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,62
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,03
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,03

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương trình UBND tỉnh Tuyên Quang xét duyệt theo quy định; công khai và tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.



**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Sơn Dương khoá XX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 5 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận: *MS*

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (phê duyệt);
- Thường trực Huyện ủy;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh (Kiểm tra văn bản);
- UBNDTTQ, UBND huyện;
- TTr HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Chánh, PVPTH UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- CV: HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT 55

**CHỦ TỊCH**



*MS*  
**Hoàng Văn Hiến**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **291** /NQ-HĐND<sub>19</sub>

Hàm Yên, ngày **14** tháng 7 năm 2017



**NGHỊ QUYẾT**

Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN  
KHOÁ XIX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giám sát, ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XIX, nhiệm kỳ 2016 - 2021,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên do Ủy ban nhân dân huyện trình tại kỳ họp.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tiếp thu bổ sung các ý kiến tham gia tại Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và tổ chức thực hiện theo luật định.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Hàm Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 11/7/2017. /*ql*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; (báo cáo)
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Thường trực HĐND xã, thị trấn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, Phó CVP HĐND&UBND huyện;
- Chuyên viên HĐND;
- Lưu VT-HĐND. (PH-90) *JB*



**CHỦ TỊCH**

**Đinh Công Thơ**



UBND TỈNH TUYỀN QUANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 892/TNMT-CCĐĐ

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 9 năm 2014

V/v xử lý đối với diện tích đã kê khai đăng ký  
nhưng chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận  
theo quy định của Luật Đất đai 2003

SỞ TƯ PHÁP T. TUYỀN QUANG

Ngày 15-08-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 3431

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ văn bản số 2299/UBND-TNMT ngày 28/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai;

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) đối với những hồ sơ đã kê khai đăng ký trong năm 2013 nhưng chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 như sau:

**1. Xử lý, cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014**

Việc xem xét, cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

**1.1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nguồn gốc do lấn, chiếm đất đai thuộc một trong các trường hợp sau thì được xem xét, cấp giấy chứng nhận:**

- Lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng sau khi Nhà nước đã công bố, cấm mốc hành lang bảo vệ hoặc lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè sau khi Nhà nước đã công bố chỉ giới xây dựng hoặc lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, công trình công cộng khác nhưng đến nay cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã quyết định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng mà diện tích đất lấn, chiếm đó không còn thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng; không thuộc chỉ giới xây dựng đường giao thông; không có mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác;

- Đất đang sử dụng vào mục đích lâm nghiệp có nguồn gốc do lấn chiếm đất thuộc quy hoạch phát triển rừng phòng hộ tại các khu vực mà hiện nay không có Ban quản lý rừng;



- Lấn, chiếm đất đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty nông nghiệp, lâm nghiệp để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đến nay đất đó không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, xây dựng các công trình hạ tầng công cộng; không nằm trong diện tích Nhà nước tiếp tục giao, cho thuê đối với Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty nông nghiệp, lâm nghiệp; mục đích sử dụng đất hiện tại phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Lấn, chiếm đất chưa sử dụng nhưng đến nay đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt và không thuộc quy hoạch để thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

### **1.2. Hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất:**

Hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng đến nay đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt và không thuộc quy hoạch để thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì được xem xét, cấp giấy chứng nhận.

### **1.3. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang:**

Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đến thời điểm hiện nay đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt thì được xem xét, cấp giấy chứng nhận.

### **1.4. Những trường hợp không được xem xét, cấp Giấy chứng nhận:**

Đối với những thửa đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 mà không thuộc một trong các trường hợp nêu tại khoản 1.1, 1.2 và 1.3 Mục 1 của văn bản này thì không được xem xét, cấp giấy chứng nhận. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thống kê từng trường hợp cụ thể, gửi Phòng Tài nguyên và môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

**2. Xác định diện tích, loại đất để cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 mà có đủ điều kiện để xem xét, cấp Giấy chứng nhận**

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định thuộc một trong các trường hợp nêu tại khoản 1.1, 1.2 và 1.3 Mục 1 của văn bản này mà không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**2.1. Việc xác định diện tích để công nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp đang sử dụng đất để làm nhà ở thực hiện như sau:**

- Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.



Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức giao đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức giao đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó;

- Trường hợp thửa đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp thì công nhận đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại, dịch vụ theo diện tích thực tế đã xây dựng công trình đó; hình thức sử dụng đất được công nhận như hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất là ổn định lâu dài;

**2.2. Đối với phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:**

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức thuê đất của Nhà nước đối với diện tích đất đang sử dụng; thời hạn thuê đất được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 126 và Khoản 4 Điều 210 của Luật Đất đai;

- Đối với đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng khác mà không được công nhận là đất phi nông nghiệp thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mục đích hiện trạng đang sử dụng. Nếu hộ gia đình, cá nhân đề nghị chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

**2.3. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận:**

Hộ gia đình, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

### **3. Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận**

Ban chỉ đạo cấp Giấy chứng nhận cấp xã rà soát lại toàn bộ hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận trong năm 2013 để hoàn thiện lại theo Hướng dẫn số 206/HD-TNMT ngày 28/3/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Việc xác nhận vào Tờ kê khai đăng ký đất đai của hộ gia đình cá nhân theo kết quả hợp xét tại thời điểm hiện nay như sau:

3.1. Đối với những hồ sơ mà sau khi hợp xét năm 2013, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa xác nhận vào Tờ kê khai đăng ký đất đai của hộ gia đình, cá nhân thì



nay thực hiện việc xác nhận theo kết luận của Ban chỉ đạo cấp giấy chứng nhận cấp xã tại thời điểm hiện nay.

3.2. Đối với những hồ sơ mà sau khi họp xét năm 2013, Ủy ban nhân dân cấp xã đã xác nhận chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận vào Tờ kê khai đăng ký đất đai của hộ gia đình, cá nhân thì nay thực hiện xác nhận lại. Nội dung xác nhận lại được lập thành văn bản riêng kèm theo hồ sơ (*Mẫu xác nhận kèm theo văn bản này*).

#### **4. Việc áp dụng chính sách pháp luật về đất đai và viết, trình ký Giấy chứng nhận**

4.1. Việc áp dụng chính sách pháp luật về đất đai trong việc thu tiền sử dụng đất, hạn mức đất và thời hạn sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận đối với các trường hợp nêu tại Mục 2 của văn bản này thực hiện theo quy định của hệ thống văn bản pháp luật về đất đai năm 2013.

4.2. Việc viết, trình ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

#### **5. Về tổ chức thực hiện**


Ủy ban nhân dân huyện thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc:

- Tiếp tục duy trì Ban chỉ đạo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp xã khi thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tiến hành họp xét lại đối với từng trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo kết quả họp xét trong năm 2013.

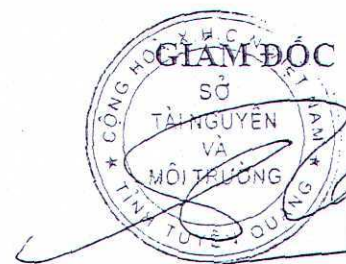
- Về quy trình xét, cấp giấy chứng nhận thực hiện theo đúng hướng dẫn tại văn bản số 450/BCĐ-CGCN ngày 13/6/2013 của Ban chỉ đạo cấp giấy chứng nhận tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp thành văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp giải quyết.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh; (báo cáo)
- Như trên; (thực hiện)
- Lãnh đạo Sở TNMT;
- Các đơn vị thuộc Sở TNMT;
- Phòng TNMT huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CCĐĐ, QT18.



**Hoàng Văn An**



Mẫu 01 (áp dụng đối với thửa đất ở)

**NỘI DUNG XÁC NHẬN LẠI HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THEO KẾT QUẢ HỌP XÉT CỦA BAN CHỈ ĐẠO CẤP GCN CẤP XÃ TẠI CUỘC HỌP NGÀY ...../...../201.....**

**Ý KIẾN XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

- Nội dung kê khai so với hiện trạng: .....
- Nguồn gốc sử dụng đất: .....
- Thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay:.....
- Tình trạng tranh chấp về đất đai: .....
- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: .....
- Loại đường/khu vực.....; vị trí (1, 2, 3, 4) .....
- Đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận: .....
- + Diện tích đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất: .....
- + Diện tích đất ở phải nộp tiền sử dụng đất: .....

....., ngày ...../...../ 201.....

**Cán bộ địa chính**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

....., ngày ...../...../ 201.....

**TM. UBND xã, phường, thị trấn**  
**Chủ tịch**  
(Ký, đóng dấu)

**Ý KIẾN CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

1. Đủ điều kiện (hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất).....  
.....  
.....  
.....  
.....
2. Loại đường/khu vực:.....
3. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
4. Diện tích đất để xác định nghĩa vụ tài chính (m<sup>2</sup>):.....
  - a) Đất ở tại nông thôn:.....
    - Trong hạn mức công nhận đất ở (nếu có):.....
    - Trên hạn mức công nhận đất ở (nếu có):.....
  - b) Đất ở tại đô thị:.....
    - Diện tích sử dụng riêng:.....





Mẫu 02 (áp dụng đối với thửa đất nông nghiệp)

**NỘI DUNG XÁC NHẬN LẠI HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THEO KẾT QUẢ HỌP XÉT CỦA BAN CHỈ ĐẠO CẤP GCN CẤP XÃ TẠI CUỘC HỌP NGÀY ...../...../201.....**

**Ý KIẾN XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

- Nội dung kê khai về đất so với hiện trạng: .....
- Nguồn gốc sử dụng đất: .....
- Thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay:.....
- Tình trạng tranh chấp về đất đai: .....
- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: .....
- Kết luận (đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp GCN):.....

....., ngày ...../...../ 201.....

**Cán bộ địa chính**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

....., ngày ...../...../ 201.....

**TM. UBND xã, phường, thị trấn**  
**Chủ tịch**  
(Ký, đóng dấu)

**Ý KIẾN CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ...../...../ 201.....

**Cán bộ kiểm tra hồ sơ**  
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

....., ngày ...../...../ 201.....

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

---

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 20 /SY-VPS

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG



Vũ Thị Thục Ngân

Nơi nhận:

- Lưu VT



UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 768 /TT- TNMT

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 9 năm 2010

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất  
đối với đất sản xuất nông nghiệp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
T. TUYÊN QUANG  
Ngày 5-08-2017  
CÔNG AN ĐẾN SỐ:

Qua kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện, thành phố của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã phát hiện một số hồ sơ cho phép hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa có nguồn gốc được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất đang sử dụng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp như đất ở, đất sản xuất kinh doanh (theo Điều 134 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai). Việc thực hiện trên là trái quy định của pháp luật.

Để thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

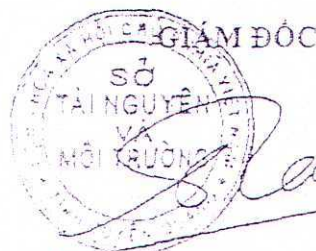
1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và cơ quan chuyên môn khi triển khai lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (không phải là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở) sang mục đích phi nông nghiệp (đất ở) phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp (đất ở) chỉ được thực hiện khi diện tích đó có quy hoạch chi tiết mặt bằng các khu dân cư đô thị, dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện thu hồi, giao đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Để xử lý triệt để những hồ sơ thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật triển khai ngay việc kiểm tra, rà soát và tổng hợp (theo mẫu đính kèm) các trường hợp đã cho phép hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (đất ở) từ ngày 01/01/2008 đến hết ngày 20/9/2010. Kết quả báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20/10/2010.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như trên (triển khai);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng TNMT các huyện, thành phố (thực hiện);
- Thanh tra Sở (Theo dõi và tổng hợp);
- Lưu VT.



Hoàng Văn An



---

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 19 /SY-VPS

Nơi nhận:

- Lưu VT

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG



Vũ Thị Thục Ngân



Số 1084/TNMT-CCĐĐ

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Về việc giải quyết các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 15-08-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số:

Kính gửi: UBND huyện, thành phố

Qua kiểm tra công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phản ánh của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố cho thấy hiện nay có nhiều hộ gia đình, cá nhân đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở, sau đó mới lập hồ sơ đề nghị UBND huyện, thành phố cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Đề quản lý chặt chẽ đất đai theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND huyện, thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc và UBND xã, phường, thị trấn:

1. Việc xử lý hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo đúng chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 768/TTr-TNMT ngày 21/9/2010.

Đối với thửa đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất có nhà ở mà phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, thành phố được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì được lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng sang đất ở theo quy định của Luật Đất đai.


2. Rà soát, xác định các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã tự ý chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để xử lý như sau:

- Trường hợp đã chuyển mục đích sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2014 xử lý theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được hướng dẫn tại Văn bản số 892/TNMT-CCĐĐ ngày 18/9/2014 Sở Tài nguyên và Môi trường;

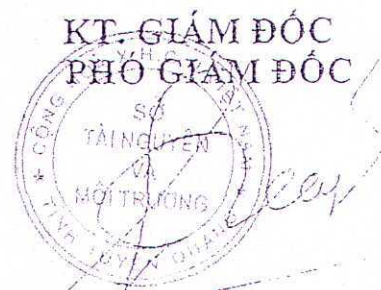
- Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến nay thì lập thành danh sách cụ thể, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả thực hiện, đề nghị UBND huyện, thành phố lập thành văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/10/2016.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- VPĐK ĐĐ; Thanh tra Sở;
- Phòng TNMT huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CCĐĐ (T20)



Phạm Văn Lương



---

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 18 /SY-VPS

**SAO Y BẢN CHÍNH**

*Tuyên Quang, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**



**Nơi nhận:**

- Lưu VT

**Vũ Thị Thục Ngân**